TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 10 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến.

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Uy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đoàn Xuân H, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Xuân H trình bày: Ông H và bà Nguyễn Thị M tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/1994.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bà M lại nghi nghờ ông H có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xung đột với nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, sau đó vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay ông H xác nhận: Tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đoàn Minh H, sinh năm 1992, Đoàn Thị T, sinh năm 1994, và Đoàn Thành T, sinh năm 1999. Hiện cả 03 con đều đã thành niên, ông H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/9/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M thống nhất với ông H về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn cũng như về con chung và tài sản chung. Bà M xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H bồ bịch và có con riêng với người phụ nữ khác nên từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Năm 2016 ông H đã đề nghị bà ly hôn nhưng bà M không đồng ý, nay ông H có yêu cầu xin ly hôn thì bà M cũng không đồng ý, bà M chấp nhận để ông H đi bồ bịch, chung sống với người phụ nữ khác.

Về con chung: Do các con chung đều đã thành niên, bà M không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn hai bên tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh, kết quả cho thấy: Ông H và bà M tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1990 có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống: Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H nghi nghờ bà M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên thường chửi bới bà M. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân ở hai nhà khác nhau, không quan tâm đến nau. Đầu năm 2019 ông H có đưa một người phụ nữ về nhà nên vợ chồng lại xảy ra xô xát, cãi vã. Đoàn thể, chính quyền địa phương đã hòa giải, động viên nhưng không giải quyết được mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Xuân H vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại tòa và yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là do ông H bồ bịch, năm 2016 ông H đã xây nhà ra ở riêng, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay ông H có yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, bà M chấp nhận cho ông H bồ bịch nhưng không được đưa về nhà ở cùng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Đoàn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Xuân H có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại: Thôn An Tử, xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân H và bà Nguyễn Thị M tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 1990, đến năm 1994 đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định. Do vậy việc kết hôn giữa ông H và bà M tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa ông H và bà M đã trầm trọng, hai bên đã có thời gian dài sống ly thân, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả, cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà M không đồng ý ly hôn và chấp nhận cho ông H có quan hệ với người phụ nữ khác là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Đoàn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Ông H và bà M có 03 con chung là Đoàn Minh H, sinh năm 1992, Đoàn Thị T, sinh năm 1994, và Đoàn Thành T, sinh năm 1999 đều đã thành niên, cả ông H và bà M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Cả ông H và bà M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét cử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Đoàn Xuân H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân H được ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

- Về án phí: Ông Đoàn Xuân H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này ông H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011515 ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chỉnh